

Bản án số: 60/2025/HC-PT
Ngày 13 tháng 01 năm 2025
Về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực xây dựng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Ông Trần Ngọc Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nhân - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13/01/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 1097/2024/TLPT-HC ngày 20/11/2024 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực xây dựng*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 251/2024/HC-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3690/QĐ-PT ngày 27/12/2024, giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Bà Cao Xuân L, sinh năm 1958. Địa chỉ thường trú: Số H, đường Đ, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: Số B đường B, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1961. Địa chỉ: Số D đường L, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Văn bản ủy quyền ngày 16/3/2023); có mặt.

2. **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Vũ Nguyễn Quang V - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A; có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Huỳnh Hữu H1, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

3. **Do có kháng cáo của:** Bà Cao Xuân L – Là người khởi kiện.

NHẬN THẤY:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2023, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Cao Xuân L và người đại diện hợp pháp của bà Cao Xuân L có bà Nguyễn Thị Thanh H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 09/02/1982 Đài khí tượng Thủy Văn Thành phố H ban hành Quyết định số 17/QĐ/KTTV về cấp cho bà 01 căn nhà (gồm 01 phòng + 01 garage) thuộc nhà tập thể số H đường Đ, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích ghi trên giấy là 25m². Năm 1998, phần garage bà coi nới làm thêm gác gỗ có biên bản kiểm tra của phường Đ lập ngày 14/10/1998. Năm 1999 bà có kê khai nhà đất cả phần garage cấp năm 1982. Năm 1993 bà sửa lại nhà theo Giấy phép số 115/GPSC ngày 25/12/1993. Năm 1998 Nhà nước bán hóa giá nhà nêu trên cho bà với diện tích 63,18m², do phần garage nằm tách biệt với phòng số 6 nên không mua bán hóa giá diện tích này. Ngày 04/3/1999, Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở cho vợ chồng bà đứng tên mang số thửa BK48, tờ bản đồ số 01 Khu E, diện tích 63,18m² địa chỉ số H (phòng F) Đ, phường Đ, Quận A. Ngày 25/4/2008, Ủy ban nhân dân Quận A cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở mang số thửa 11,20 tờ bản đồ số 4, diện tích 64,8m², diện tích sàn 206,1m² tại địa chỉ số H (phòng F) Đ, phường Đ, Quận A.

Năm 2013, các hộ dân ở khu tập thể như: Lê Thị V1 (phòng số 3), Phạm Thị Kim N (phòng S), Lê Thị B (phòng số 5) xây dựng lấn chiếm phần không gian lối đi chung, bà làm đơn gửi đến Ủy ban nhân dân phường yêu cầu giải quyết. Ủy ban nhân dân phường cùng các cơ quan tiến hành xác minh, lập biên bản buộc các hộ lấn chiếm tháo dỡ. Sau đó, các hộ này có đơn cho rằng gia đình bà cũng xây lấn chiếm và cán bộ kiểm tra xác định phần garage của Đài khí tượng Thủy V2 Thành phố cấp cho bà năm 1982 vào diện tích xây dựng lấn chiếm buộc phải tháo dỡ diện tích 2,45m x 6,0m. Năm 2015, bà có đơn khiếu nại không đồng ý và xin được tồn tại phần công trình này, vì đây là garage của Đài khí tượng giao đã có sẵn từ năm 1982, đến năm 1998 bà sửa chữa coi nới, chứ không phải bà xây mới lấn chiếm. Ngày 24/3/2016, Ủy ban nhân dân Quận A có Công văn số: 518/UBND – QLĐT trả lời không đồng ý đơn của bà, yêu cầu Ủy ban nhân dân phường Đ tiến hành xử lý tháo dỡ. Bà tiếp tục có đơn khiếu nại Công văn 518/UBND – QLĐT, ngày 20/10/2016 Ủy ban nhân dân Quận A ra Quyết định số: 1709/QĐ – UBND về giải quyết khiếu nại không chấp nhận nội dung đơn của bà, giữ nguyên Công văn số 518/UBND - QLĐT.

Bà L làm đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số: 1709/QĐ–UBND ngày 20/10/2016 của Ủy ban nhân dân Quận A đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 26/11/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hành chính. Tại phiên tòa bà rút đơn khởi kiện, nên Hội đồng xét xử ra Quyết định đình chỉ số: 1762/2019/QĐST – HC đối với vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số: 288/2016/TLST – HC ngày 19/12/2016. Ngày 16/01/2023 Ủy ban nhân dân phường Đ đến kiểm tra đo đạc lại và lập biên bản cho rằng bà xây dựng kho, gác gỗ diện tích 2,66m x 6,02m (chênh lệch số đo cũ 2m45 x 6,0m) lấn chiếm hẻm S đường Đ, phường Đ, Quận A.

Ngày 19/01/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số: 30/QĐ – UBND về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tháo dỡ nhà kho diện tích 16,1m² (2,66m x 6,02m), gác gỗ lán chiếm hẻm số H đường Đ, phường Đ, Quận A. Ngày 01/3/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số 68/QĐ – UBND về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định số 30/QĐ – UBND.

Bà L cho rằng công trình mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A cho rằng là nhà kho, gác gỗ bà xây dựng lán chiếm hẻm số H đường Đ vào năm 1998, thực chất là garage được Đài khí tượng T Thành phố Hồ Chí Minh giao cho bà theo Quyết định số: 17QĐ/KTTV vào năm 1982. Năm 1998 bà sửa chữa coi nói làm thêm gác gỗ để sử dụng, chứ không phải bà xây dựng, đây là tài sản của Đ khí tượng Thủy V2 giao cho bà quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1992 đến nay. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định 30/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tháo dỡ nhà kho diện tích 16,1m² (2,66m x 6,02m) gác gỗ xây dựng lán chiếm hẻm số H đường Đ, phường Đ, Quận A và hủy Quyết định 68/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định số 30/QĐ–UBND.

- *Tại Văn bản số: 1361/UBND–TP ngày 06/5/2024, Văn bản số: 1774/UBND–TP ngày 07/6/2024 người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A trình bày:* Xin vắng mặt tại buổi làm việc, đối thoại, phiên xét xử theo yêu cầu của Tòa án. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành các thủ tục xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có ý kiến: Khu nhà số H đường Đ, Quận A thuộc diện vắng chủ. Năm 1975, Đ khí tượng Thủy Văn Thành phố quản lý, sử dụng và làm nhà ở cho cán bộ công nhân viên đơn vị.

- Ngày 09/02/1982 Đài khí tượng Thủy Văn Thành phố H ban hành Quyết định số 17.QĐ/KTTV về cấp cho bà L căn nhà (gồm 01 phòng + 01 garage) thuộc nhà tập thể số H đường Đ, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích 25m².

- Ngày 24/5/1985, Đội quản lý nhà Q và bà Cao Xuân L ký Hợp đồng tạm thuê nhà số 9271/TBTP về thuê căn nhà số H (01 phòng và 01 garage) đường Đ, Quận A với diện tích 25m² (sử dụng chính 20m² và sử dụng phụ 5m²).

- Năm 1990, bà L tự xây dựng thêm 01 phòng tại sân trồng phía trước phòng F, nhà số H với diện tích 3,2m x 6,5m nhưng không có giấy phép, Ủy ban nhân dân phường Đ lập biên bản vi phạm ngày 31/3/1990.

- Ngày 22/02/1992, Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số 111/QĐ–UB về kiểm kê, quản lý, hợp thức hóa phòng 6 nhà số H cho bà Cao Xuân L dùng làm nhà ở.

- Ngày 14/10/1998, bà Cao Xuân L tự ý sửa chữa nhà phần diện tích 2,4m x 4,9m (coi triển mái không giấy phép, lợp mái sang khuôn viên phòng kế bên) bị khiếu nại và Ủy ban nhân dân phường Đ lập biên bản đề nghị đình chỉ thi công, chờ xử lý.

- Ngày 06/6/1998 bà L có đơn mua nhà thuộc sở hữu nhà nước. Ngày 18/12/1998, Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số 695/1998/QĐUB về bán nhà thuộc sở hữu nhà nước cho bà L. Ngày 29/12/1998 Công ty Q1 và bà Cao Xuân L ký hợp đồng số 660/98/HĐ.MBN.Q1 với nội dung bà L mua căn phòng 6 nhà số H đường Đ, loại nhà phố, cấp 2+3, diện tích xây dựng 58,24m² thuộc thửa đất số BK48, tờ bản đồ số 01 Khu E, diện tích 63,18m² với tổng số tiền nhà và đất là 50.654.782 đồng (nhà ở: 27.909.982 đồng; đất ở: 22.744.800 đồng). Sau khi mua nhà, ngày 04/3/1999 Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp Giấy chứng nhận số 2929/99 cho ông Bảo T (chồng), bà Cao Xuân L (vợ) cùng đứng tên sở hữu với diện tích đất 63,18m² (kết cấu tường gạch, sàn bê tông cốt thép, mái tôn, 02 tầng). Việc mua bán và cấp Giấy chứng nhận không có phần diện tích 2m45 x 6,0m (nhà kho - garage).

- Năm 2002, Ủy ban nhân dân Quận A cấp Giấy phép xây dựng số 498/GPXD cho bà L ông T được sửa chữa xây dựng công trình phòng số 6 nhà số H đường Đ, phường Đ với cấu trúc 02 tầng + mái che thang; diện tích xây dựng 62,64m² (không có phần diện tích 2m45 x 6,0m).

- Ngày 25/4/2008, Ủy ban nhân dân Quận A cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và đất ở số 2806/2008/UB – GCN cho bà L ông T phòng số 6 căn H đường Đ, phường Đ với kết cấu 3 tầng + sân thượng, diện tích 64,8m² (không có phần diện tích 2m45 x 6,0m).

Năm 2013, các hộ dân tại nhà số H đường Đ có đơn phản ánh lẫn nhau về việc một số hộ dân xây dựng lấn chiếm sân chung. Qua kiểm tra xác minh thể hiện một số hộ xây lấn chiếm lối đi hẻm S. Ngày 07/01/2015, Ủy ban nhân dân Quận A có Văn bản số 29/UBND QLĐT giao Ủy ban nhân dân phường Đ lập tờ trình Ủy ban nhân dân Quận A xử lý cưỡng chế tháo dỡ phần diện tích lấn chiếm 2,45m x 6,0m. Ngày 12/01/2015, Ủy ban nhân dân phường Đ có Văn bản 589/UBND báo cáo Ủy ban nhân dân Quận A, trong 4 hộ lấn chiếm thì các hộ Lê Thị V1 (phòng số 3), Phạm Thị Kim N (phòng S), Lê Thị B (phòng S1) nhà hẻm S đã thực hiện tháo dỡ xong diện tích xây dựng lấn chiếm. Riêng bà L (căn số 6) hẻm S chưa thực hiện tháo dỡ mặc dù Ủy ban nhân dân phường Đ lập biên bản tiếp xúc ngày 04/02/2015 vận động bà L tự tháo dỡ, nhưng bà L vẫn yêu cầu được phép tồn tại công trình trên. Ngày 02/8/2016, Công ty TNHH Một thành viên D có Văn bản số 1511/CV–DVCI với nội dung: “*Căn cứ bản vẽ theo Nghị định 61/CP do Hội đồng bán nhà Quận A lập ngày 28/10/1998, thì bán nhà gắn liền với diện tích đất 63,18m², không có phần diện tích 2m45 x 6,0m. Phần này Công ty cũng không quản lý*”.

Đồng thời, ngày 24/3/2016 Ủy ban nhân dân Quận A có Công văn số 518/UBND–QLĐT trả lời cho bà L biết là phần xây dựng 2,45m x 6,0m là trái pháp luật, không được phép tồn tại và yêu cầu Ủy ban nhân dân phường Đ thực hiện thủ tục xử lý tháo dỡ. Bà L không đồng ý nên khiếu nại, ngày 20/10/2016 Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định 1709/QĐ–UBND giải quyết không chấp nhận đơn khiếu nại của bà L.

Bà L khởi kiện Quyết định số 1709/QĐ–UBND đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tại phiên tòa ngày 26/11/2019 bà L rút yêu cầu khởi kiện, nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 1762/2019/QĐST–HC về đình chỉ giải quyết vụ án.

Sau đó, Ủy ban nhân dân Quận A tiếp tục có văn bản yêu cầu xử lý triệt để việc lấn chiếm đất công (đất hẻm). Sau nhiều lần vận động bà L tự nguyện tháo dỡ nhưng bà L không chấp hành. Ngày 03/01/2023 và 11/01/2023 Ủy ban nhân dân phường A, Phòng Tư pháp Quận 1, Công ty TNHH MTV D họp thống nhất quy trình xử lý. Ủy ban nhân dân phường Đ ban hành giấy mời bà L có mặt tại công trình vi phạm vào ngày 16/01/2023 để kiểm tra xác minh diện tích cụ thể. Ngày 16/01/2023 đoàn kiểm tra đến kiểm tra, lập biên bản thì bà L không có mặt nên lập biên bản vắng mặt. Sau khi lập biên bản, Ủy ban nhân dân phường chuyển hồ sơ đề Ủy ban nhân dân Quận A xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 19/01/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số 30/QĐ-UBND về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tháo dỡ nhà kho, gác gỗ diện tích 16,1m² (2,66m x 6,02m) lấn chiếm hẻm S đường Đ, phường Đ, Quận A. Vì bà L không tự nguyện chấp hành, nên ngày 01/3/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số 68/QĐ-UBND về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định số 30/QĐ – UBND là đúng quy định của pháp luật. Do đó đề nghị bác đơn khởi kiện của bà Cao Xuân L.

- *Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 251/2024/HC-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 206; khoản 1 Điều 213 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 3, điểm b khoản 1 Điều 28, Điều 38, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2022; Nghị định số 166/2022/NĐ – CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về thi hành xử phạt trong lĩnh vực xây dựng; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Cao Xuân L về yêu cầu:

- Hủy Quyết định số: 30/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tháo dỡ nhà kho diện tích 16,1m² (2,66m x 6,02m), gác gỗ lấn chiếm hẻm số H đường Đ, phường Đ, Quận A.

- Hủy Quyết định số: 68/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định số 30/QĐ-UBND.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về miễn án phí án sơ thẩm cho bà Cao Xuân L và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 12/7/2024, người khởi kiện bà Cao Xuân L kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của của bà: Công nhận nhà phụ (gara) diện tích 2,66m x 6,02m = 16,1m² của bà L được cấp theo quyết định cấp nhà số: 17QĐ/KTTV v/v phân phối nhà ở ngày 09/02/1982 của Đài khí tượng thủy văn chưa mua hoá giá; Hủy Quyết định cưỡng chế số: 68/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về

việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số: 30/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tháo dỡ nhà kho diện tích 16,1m² (2,66m x 6,02m), góc gỗ lán chiếm hẻm số H đường Đ, phường Đ, Quận A.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Cao Xuân L giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Cao Xuân L: Hủy Quyết định cưỡng chế số: 68/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số: 30/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tháo dỡ nhà kho diện tích 16,1m² (2,66m x 6,02m), góc gỗ lán chiếm hẻm số H đường Đ, phường Đ, Quận A.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A đề nghị bác kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Pháp Luật tố tụng hành chính; Đơn kháng cáo của bà Cao Xuân L làm trong hạn luật định đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo của người khởi kiện, Kiểm sát viên có ý kiến: Bản án sơ thẩm tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Cao Xuân L là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Cao Xuân L làm trong hạn luật định, đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

[2] Ngày 09/3/2023, bà Cao Xuân L có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số: 30/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tháo dỡ nhà kho diện tích 16,1m² (2,66m x 6,02m) sửa chữa lán chiếm hẻm S đường Đ, phường Đ, Quận A; Quyết định số: 68/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Tòa án sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 3, Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân

Quận A có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên Tòa án tiến hành phiên toà phúc thẩm xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện:

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số: 30/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số: 68/QĐ-UBND về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 6 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 28, điểm đ khoản 2 Điều 38, Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; điểm c khoản 15 Điều 16 của Nghị định số: 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng;

[4] Căn cứ ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện:

[4.1] Ngày 16/01/2023, Tổ công tác phường Đ đến kiểm tra lập biên bản vi phạm hành chính về trật tự xây dựng đối với bà Cao Thị L1 đã có hành vi tổ chức thi công xây dựng không phép lấn chiếm hẻm S đường Đ, cụ thể xây dựng nhà kho, gác gỗ lấn chiếm hẻm số H đường Đ diện tích 2,66m x 6,02m, thời điểm xây dựng năm 1998. Khi lập biên bản vi phạm hành chính bà L1 vắng mặt (bút lục 171). Cùng ngày 16/01/2023, Tổ công tác lập biên bản niêm phong biên bản vi phạm hành chính (bút lục 168).

Đến ngày 19/01/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số: 30/QĐ – UBND đối với bà Cao Xuân L buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tháo dỡ nhà kho, gác gỗ diện tích 16,1m² (2,66m x 6,02m) xây dựng lấn chiếm hẻm S đường Đ, phường Đ, Quận A.

Ngày 13/02/2023, Ủy ban nhân dân phường Đ lập biên bản vận động bà L thực hiện tháo dỡ căn nhà không số lấn chiếm hẻm S đường Đ, theo Quyết định số: 30/QĐ–UBND ngày 19/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Bà L không đồng ý và yêu cầu được tiếp tục sử dụng. Do đó, ngày 01/3/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số: 68/QĐ–UBND về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định số: 30/QĐ–UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A.

Sau đó, ngày 17/3/2023 Ủy ban nhân dân phường Đ phối hợp với các phòng, ban lập biên bản vận động bà L thực hiện tháo dỡ căn nhà (không số) hẻm S Đ theo Quyết định cưỡng chế số: 68/QĐ–UBND nhưng bà L không đồng ý và cho rằng đã khởi kiện tại Tòa án. Đến ngày 09/5/2023, Ủy ban nhân dân Quận A thông báo về việc tổ chức thi hành cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tại căn nhà (không số) hẻm S đường Đ, phường Đ, Quận A vào ngày 16/5/2023.

Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 15/5/2023 của Ủy ban nhân dân phường Đ, bà L có ý kiến về việc đồng ý giao toàn bộ căn nhà không số hẻm số H đường Đ cho Ủy ban nhân dân phường Đ thực hiện tháo dỡ vào ngày 16/5/2023 và cam kết không khiếu nại, khiếu kiện về việc Ủy ban nhân dân phường Đ thực hiện việc tháo dỡ (bút lục số 155).

Đến ngày 16/5/2023, Ủy ban nhân dân phường Đ lập biên bản số: 53/BBLV-ĐCXD ghi nhận việc tháo dỡ căn nhà vi phạm đã thực hiện xong. Hiện nay tài sản, vật tư của căn nhà giao lại cho bà L quản lý và sử dụng. Bà L đồng ý và không có ý kiến nào khác (bút lục 150).

[4.2] Bà Cao Xuân L khởi kiện cho rằng công trình mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A cho rằng là nhà kho, gác gỗ do bà xây dựng lấn chiếm hẻm số H đường Đ vào năm 1998, thực chất là garage được Đài khí tượng T Thành phố Hồ Chí Minh giao cho bà theo Quyết định số: 17QĐ/KTTV vào năm 1982. Năm 1998 bà sửa chữa coi nói làm thêm gác gỗ để sử dụng, đây là tài sản của Đ khí tượng Thủy V2 giao cho bà quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1992 đến nay. Xét yêu cầu khởi kiện của bà L là chưa có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã thể hiện:

Căn nhà số H đường Đ, Phường G (nay là phường Đ), Quận A có nguồn gốc của ông Trần Văn V3 là công chức chế độ cũ đã chết; vợ và các con đi nước ngoài thời điểm 30/4/1975. Nên căn nhà số H thuộc diện nhà vắng chủ do Nhà nước quản lý. Sau năm 1975, Nhà nước giao cho Đài khí tượng Thủy Văn Thành phố H sử dụng cho cán bộ công nhân viên làm nhà ở.

Ngày 09/02/1982, Đài khí tượng Thủy Văn Thành phố H ban hành Quyết định số: 17QĐ/KTTV về cấp cho bà L căn nhà (gồm 01 phòng + 01 garage) thuộc nhà tập thể số H đường Đ, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích 25m² (bút lục 121). Ngày 21/5/1985, Ban xây dựng nhà đất công trình công cộng, đội quản lý nhà lập hợp đồng cho bà L thuê căn nhà (gồm 01 phòng + 01 garage) đường Đ với diện tích đất ở là 26m² đất. Ngày 22/02/1992, Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số: 111/QĐ-UB về kiểm kê, quản lý, hợp thức hóa phòng 6 nhà số H cho bà Cao Xuân L dùng làm nhà ở với diện tích sử dụng 49,05m²/75,73m².

Đến ngày 06/6/1998, bà L có đơn mua nhà thuộc sở hữu Nhà nước. Ngày 18/12/1998, Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số: 695/1998/QĐUB về bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước cho bà L diện tích đất ở 63,18m²; căn nhà số H (phòng 6) loại nhà phố, cấp 2+3, diện tích xây dựng 58,24m². Với tổng số tiền nhà và đất là 50.654.782 đồng. Ngày 29/12/1998, Công ty Q1 và bà Cao Xuân L ký Hợp đồng mua bán nhà ở thuộc quyền sở hữu nhà nước số: 660/98/HĐ.MBNO.Q1 với nội dung bà L mua căn phòng 6 nhà số H đường Đ, loại nhà phố, cấp 2+3, diện tích xây dựng 58,24m² thuộc thửa đất số BK48, tờ bản đồ số 01 Khu E, diện tích đất 63,18m² với tổng số tiền nhà và đất là 50.654.782 đồng (nhà ở: 27.909.982 đồng; đất ở: 22.744.800 đồng).

Đến ngày 04/3/1999, Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 2929/99 cho ông Bảo T và bà Cao Xuân L cùng đứng tên sở hữu diện tích đất 63,18m² (kết cấu tường gạch, sàn bê tông cốt thép, mái tôn, 02 tầng). Ngày 25/4/2008, Ủy ban nhân dân Quận A cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 2806/2008/UB-GCN cho ông Bảo T và bà Cao Xuân L cùng đứng tên sở hữu thửa đất số 11,20 diện tích đất ở 64,8m² (nhà ở kết cấu tường gạch, sàn bê tông cốt thép, mái tôn, 03 tầng+ sân thượng).

Đến ngày 13/3/2014 Sở Xây dựng Thành phố H ban hành Công Văn số: 1969/SXD-TT kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố H cho chủ trương tháo dỡ phần diện tích xây dựng lấn chiếm tại hẻm S đường Đ trong đó có hộ bà Cao Xuân L. Ngày 22/12/2014, Ủy ban nhân dân Thành phố H có Công văn số: 10837/VP-ĐTMT về việc thống nhất chủ trương tháo dỡ phần diện tích xây dựng lấn chiếm tại hẻm S đường Đ.

Ngày 07/01/2015, Ủy ban nhân dân Quận A có Văn bản số: 29/UBND QLĐT giao Ủy ban nhân dân phường Đ lập tờ trình Ủy ban nhân dân Quận A xử lý cưỡng chế tháo dỡ phần diện tích lấn chiếm 2,45m x 6,0m. Ngày 12/01/2015, Ủy ban nhân dân phường Đ có Văn bản số: 589/UBND báo cáo Ủy ban nhân dân Quận A, trong 4 hộ lấn chiếm thì các hộ Lê Thị V1 (phòng số 3), Phạm Thị Kim N (phòng S), Lê Thị B (phòng S1) nhà hẻm S đã thực hiện tháo dỡ xong diện tích xây dựng lấn chiếm. Riêng bà L (căn số 6) hẻm S chưa thực hiện tháo dỡ mặc dù Ủy ban nhân dân phường Đ lập biên bản tiếp xúc ngày 04/02/2015 vận động bà L tự tháo dỡ, nhưng bà L vẫn yêu cầu được phép tồn tại công trình trên.

Ngày 24/3/2016 Ủy ban nhân dân Quận A có Công văn số: 518/UBND-QLĐT trả lời cho bà L biết là phần xây dựng 2,45m x 6,0m là trái pháp luật, không được phép tồn tại và yêu cầu Ủy ban nhân dân phường Đ thực hiện thủ tục xử lý tháo dỡ. Bà L không đồng ý nên khiếu nại Công văn số: 518/UBND-QLĐT. Sau đó, Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số: 1709/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 giải quyết không chấp nhận đơn khiếu nại của bà L. Bà Liên tiếp T1 khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 1709/QĐ-UBND. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 26/11/2019 bà L đã rút yêu cầu khởi kiện, nên Tòa án ra Quyết định số 1762/2019/QĐST-HC đình chỉ giải quyết vụ án.

Mặt khác, tại Văn bản số: 1511/CV-DVCI ngày 02/8/2016 của Công ty TNHH Một thành viên D có với nội dung: “*Căn cứ bản vẽ theo Nghị định 61/CP do Hội đồng bán nhà Quận A lập ngày 28/10/1998, với diện tích 63,18m² và không thể hiện diện tích 2,45m x 6,0m; Theo Quyết định số: 17.QĐ/KTTV ngày 09/02/1982 của Đài khí tượng thủy văn cấp với diện tích 25m² nhỏ hơn nhiều so với bản vẽ hợp thức hóa, bản vẽ ký hợp đồng, bản vẽ bán nhà nêu trên. Do đó diện tích 2,45m x 6,0m không được cấp cho bà Cao Xuân L theo quyết định số 17.QĐ/KTTV...*”.

Đến ngày 16/01/2023, Tổ công tác của Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận A đến kiểm tra lập biên bản vi phạm hành chính về trật tự xây dựng đối với bà Cao Thị L1 đã có hành vi tổ chức thi công xây dựng không phép lấn chiếm hẻm S đường Đ, cụ thể xây dựng nhà kho, gác gỗ lấn chiếm hẻm số H đường Đ diện tích 2,66m x 6,02m, thời điểm xây dựng năm 1998, là đúng quy định của pháp luật.

Đến ngày 19/01/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số: 30/QĐ – UBND đối với bà Cao Xuân L buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tháo dỡ nhà kho, gác gỗ diện tích 16,1m² (2,66m x 6,02m) xây dựng lấn chiếm hẻm S đường Đ, phường Đ, Quận A là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28, điểm đ khoản 2 Điều 38 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và điểm c khoản 15 Điều 16 của Nghị định số: 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng.

Do bà L không thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tháo dỡ, nên ngày 01/3/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số: 68/QĐ-UBND về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định số: 30/QĐ-UBND là đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 86 và Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Xuân L yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định 30/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tháo dỡ nhà kho diện tích 16,1m² (2,66m x 6,02m), gác gỗ lán chiếm hẻm số H đường Đ, phường Đ, Quận A và Quyết định số: 68/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định số: 30/QĐ-UBND, là có căn cứ.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Xuân L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Cao Xuân L.

Do đó, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[6] Về án phí phúc thẩm:

Bà Cao Xuân L được miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về miễn án phí hành chính sơ thẩm cho bà Cao Xuân L không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Cao Xuân L.

2. *Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 251/2024/HC-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 206; khoản 1 Điều 213 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 3, điểm b khoản 1 Điều 28, Điều 38, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2022; Nghị định số 166/2022/NĐ – CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về thi hành xử phạt trong lĩnh vực xây dựng; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Cao Xuân L về yêu cầu:

- Hủy Quyết định số: 30/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tháo dỡ nhà kho diện tích 16,1m² (2,66m x 6,02m), gác gỗ lán chiếm hẻm số H đường Đ, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hủy Quyết định số: 68/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định số: 30/QĐ-UBND.

3. Bà Cao Xuân L được miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm.

4. Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về miễn án phí hành chính sơ thẩm cho bà Cao Xuân L không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**